TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNPHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST
Ngày: 02 – 02 – 2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Hồng Lành**

2. Bà **Dương Thị Tú Phương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa:* Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2020/QĐST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn H,** sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1949; Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Và Ông **Trương Văn M**, sinh năm 1939 (chết). *(Bà N vắng mặt)*

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trương Văn M:

2.1. Bà **Lê Thị N**, sinh năm 1949 *(Vắng mặt)*

2.2. Anh **Trương Văn L**, sinh năm 1978 *(Vắng mặt)*

2.3. Anh **Trương Văn H1**, sinh năm 1980 *(Vắng mặt)*

2.4. Chị **Trương Hồng L1**, sinh năm 1985 *(Vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Lê Thị C,** sinh năm 1970; Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn H,** sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (Văn bản ủy quyền ngày 15/6/2020). *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H trình bày***:**

Vào khoảng năm 2011, vợ chồng ông M và bà N có mua thức ăn chăn nuôi heo tại cửa hàng của ông, trong quá trình mua bán thì ông có cho ông M và bà N nợ rồi thanh toán sau, mỗi lần nợ thì ông đều ghi vào sổ. Đến cuối năm 2019, ông M và bà N không mua nữa, sau khi xem sổ nợ thì ông M và bà N còn nợ ông số tiền là 17.000.000 đồng. Ông đã đến đòi nhiều lần nhưng ông M và bà N chỉ hứa mà không trả cho ông.

Tại đơn khởi kiện ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trương Văn M và bà Lê Thị N trả cho ông số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 17.000.000đ và không yêu cầu tính lãi. Nhưng nay ông M đã chết nên ông chỉ yêu cầu một mình bà N có trách nhiệm trả cho ông số tiền 17.000.000đ và không yêu cầu tính lãi, ông không yêu cầu gì đối với những người con của ông M và bà N. Ông không còn yêu cầu gì khác.

Bà Lê Thị C thống nhất theo yêu cầu của ông, không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án bị đơn và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trương Văn M là bà Lê Thị N trình bày:*

Bà thừa nhận vợ chồng bà còn nợ ông H số tiền mua thức ăn chăn nuôi là 17.000.000 đồng như ông H yêu cầu là đúng và đồng ý trả theo yêu cầu của ông H, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần. Nay do ông M đã chết nên bà N đồng ý một mình bà N có trách nhiệm trả cho ông H số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 17.000.000 đồng. Bà không có ý kiến gì khác.

** Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trương Văn M là anh Trương Văn L, anh Trương Văn H1 và chị Trương Hồng L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc bà N có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông H và bà C số tiền mua thức ăn chăn nuôi là 17.000.000 đồng.

Về án phí: Bà N phải chịu 850.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Ông H khởi kiện yêu cầu ông M và bà N trả tiền mua bán thức ăn, ông M và bà N cư trú trên địa bàn huyện P nên căn cứ vào khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh L, anh H1, chị L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, ông H và bà N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt ông H, bà N, anh L, anh H1, chị L1 là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của đương sự: Tại đơn khởi kiện ông H yêu cầu ông M và bà N cùng có trách nhiệm trả cho ông H số tiền 17.000.000 đồng, nhưng nay ông M đã chết, ông H chỉ yêu cầu một mình bà N có trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho ông H. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông H không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà N thừa nhận bà N và ông M có mua thức ăn chăn nuôi của ông H và hiện còn nợ ông H số tiền là 17.000.000 đồng. Sự thừa nhận của bà N là tình tiết, sự kiện không pH chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà N đồng ý một mình bà N sẽ có trách nhiệm trả cho ông H số tiền 17.000.000 đồng. Anh L, anh H1 và chị L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông H. Ông H xác định số tiền này là tài sản chung của ông H và vợ là Lê Thị C. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông H, buộc bà N có nghĩa vụ trả cho ông H và bà C số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 17.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất: Do ông H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Các đương sự khác không pH chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 430, 440, 468 của Bộ luật Dân sự N 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đối với bà Lê Thị N. Buộc bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị C số tiền 17.000.000 đồng (Mười bảy triệu đồng).

2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 850.000 đồng. Các đương sự khác không phải chịu án phí. Ông Nguyễn Văn H đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 425.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009336 ngày 22/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được nhận lại.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Ly